

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2021/DS-ST

Ngày: 24 – 8 – 2021.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan, ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 959/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2021/QĐST-DS ngày 03/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 27 Nguyễn Tất T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 45 Lê D, thị trấn P, huyện K tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Buôn Ea Y A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết thường hay làm ăn với nhau nên vào ngày 22/5/2020 ông Nguyễn Hoàng V có cho bà Vũ Thị D vay 600.000.000đ. Hai bên có

viết giấy mượn tiền, bà D là người trực tiếp viết giấy và kí, ghi rõ họ tên dưới mục người vay. Thời hạn bà D hẹn trả số tiền vay nêu trên là vào ngày 22/7/2020. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất vay.

Hiện nay đã quá thời hạn hẹn trả đã lâu nhưng bà D vẫn không thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền đã vay dù ông V đã rất nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà Vũ Thị D trả tiền cho ông. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông Nguyễn Hoàng V làm đơn khởi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết buộc bà Vũ Thị D phải trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền nợ gốc là 600.000.000đ và lãi suất phát sinh tính quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/01/2021 bà D đã trả cho ông V số tiền 300.000.000đ nợ gốc. Nay ông V yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị D phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất phát sinh tính theo mức 10%/năm kể từ ngày chậm trả tiền là ngày 22/7/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, cụ thể lãi suất tạm tính đến ngày 28/06/2021 như sau: $300.000.000đ \times 342 \text{ ngày} \times 10\% : 365 = 28.500.000 \text{ đồng}$. Và yêu cầu bà Vũ Thị D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/06/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000đ. Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền này.

Do khi cho vay tiền ông Nguyễn Hoàng V không yêu cầu chồng của bà D là ông Nguyễn Thanh Tuấn kí tên xác nhận vào giấy mượn tiền, đồng thời việc bà D vay tiền của ông V sử dụng cho việc gì, có sử dụng vào mục đích chi tiêu trong gia đình hay không ông V không biết được và ông Tuấn chồng bà D cũng không tham gia vào việc vay tiền nói trên, hiện nay ông Nguyễn Thanh Tuấn và bà Vũ Thị D đã ly hôn nên ông Nguyễn Hoàng V chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị D có nghĩa vụ trả tiền cho ông V, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh Tuấn (chồng bà D) có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho ông V.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ để đến Tòa án làm việc nhưng bà D vắng mặt không có lý do.*

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk:***

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Vũ Thị D vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V. Buộc bà Vũ Thị D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 22/7/2020.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với số tiền 300.000.000đ. Ông V không được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Ông Nguyễn Hoàng V có đơn khởi kiện đối với bà Vũ Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Buôn Ea Yông A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn bà Vũ Thị D được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về Nội dung vụ án:

[2.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày ông Nguyễn Hoàng V có cho bà Vũ Thị D mượn số tiền 600.000.000đ, bà D và ông V lập giấy mượn tiền thỏa thuận thời hạn mượn từ ngày 22/5/2020 đến ngày 22/7/2020 sẽ trả đủ. Tuy nhiên, đến hạn bà D không trả nợ như đã hẹn. Do đó ông V khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Vũ Thị D trả cho ông V số tiền 600.000.000đ và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/7/2020 đến ngày bà D trả hết nợ. Quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị D đã trả cho ông V 300.000.000đ. Nay ông V chỉ yêu cầu bà D trả cho ông 300.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất tính từ ngày 22/7/2020. Căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử

xét thấy: Tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 22/5/2020 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký, chữ viết của bên vay và bên cho vay, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc, do đó đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Đã hết thời hạn ghi trong giấy mượn tiền nhưng bà D vẫn chưa trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà D được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền tại Quyết định trưng cầu giám định ngày 29/4/2021 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, giám định chữ ký chữ viết của bà Vũ Thị D trong giấy mượn tiền.

Tại kết luận giám định số 61/KLGD-PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: (1). *Chữ ký mang tên Vũ Thị D dưới mục “bên mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 khác dạng so với chữ ký đứng tên Vũ Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, nên không đủ cơ sở kết luận giám định;* (2). *Chữ viết mang tên Vũ Thị D dưới mục “Bên mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, so với chữ viết đứng tên Vũ Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, là do cùng 1 người viết ra”.*

Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V buộc bị đơn bà Vũ Thị D phải trả cho ông V số tiền vay 300.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu bà Vũ Thị D phải trả lãi suất 10% trên số tiền đã vay là 300.000.000đ kể từ ngày 22/7/2020 cho đến ngày bà D trả nợ xong là có căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng 10%/năm tương ứng 0,83%/1 tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 22/7/2020, tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ngày 24/8/2021 là 397 ngày: $300.000.000đ \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 397 \text{ ngày} = 32.630.137đ$.

Như vậy, số tiền lãi mà bà Vũ Thị D phải trả cho ông Nguyễn Hoàng V là 32.630.137đ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị D đã trả cho ông Nguyễn Hoàng V 300.000.000đ. Do đó, ông Nguyễn Hoàng V tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 217, 218, 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V đối với số tiền trên.

[4] Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Vũ Thị D không đến Tòa án làm việc, nên theo đơn yêu cầu của ông Phan Thanh H, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Vũ Thị D, tại bản Kết luận giám định số: 61/KLGD-PC09 ngày 18/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk

Lắc kết luận chữ viết trong giấy mượn tiền là của Vũ Thị D, nên áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà Vũ Thị D phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.660.000đ, số tiền này ông Nguyễn Hoàng V đã nộp, nên buộc bà Vũ Thị D phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Hoàng V là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Vũ Thị D phải chịu 16.631.506,85đ án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính $332.630.137đ \times 5\% = 16.631.506,85đ$.

Nguyên đơn Ông Nguyễn Hoàng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 161, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V.

[1] Buộc bà Vũ Thị D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng V tổng số tiền 332.630.137đ (*Ba trăm ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*); Trong đó 300.000.000đ là tiền vay gốc và 32.630.137đ tiền lãi.

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V về việc buộc bà Vũ Thị D trả số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

Ông Nguyễn Hoàng V được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí giám định: Buộc bà Vũ Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng V 5.660.000đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám định.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.631.506,85đ (*Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ sáu phẩy tám mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017723 ngày 21/12/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà